

Số: 1335089

|                                            | Kia Sorento 2.2D Premium   | Peugeot 408 Allure    |
|--------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.079.000.000đ</b>      | <b>1.019.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                            |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700         | 4687 x 1850 x 1510    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                       | 2787                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                       |                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                        | 189                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1860                       | 1430                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2490                       | 1880                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                        | 536                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                         | 52                    |
| Số chỗ ngồi                                | 7                          | 5                     |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước           | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                            |                       |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2           | 1,6 Turbo PureTech    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                       | 1598                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                   | 218 / 5500            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750              | 300 / 2000            |
| Hộp số                                     | 8-DCT                      | 8AT                   |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                  | Độc Lập Mac Pherson   |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm           | Bán Độc Lập           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                        | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                        | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                            | 235/55R19                  | 225/55 R18            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.4                        | 9.74                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.3                        | 6.31                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.1                        | 7.59                  |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart    | Eco/Normal/Sport      |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand/Terrain Mode | -                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                            |                       |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector              | Xenon                 |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                          | -                     |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                          | ●                     |
| Đèn sương mù                               | LED                        | Halogen Projector     |
| Cụm đèn sau                                | LED                        | Halogen               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                          | ●                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                          | ●                     |
| Cửa sổ trời                                | ●                          | ●                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                            |                       |
| Vô lăng bọc da                             | ●                          | ●                     |
| Chất liệu ghế                              | Da                         | Da                    |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                          | ●                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                          | -                     |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                          | ●                     |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 12.3"                      | Analog                |

|                                         |                        |             |
|-----------------------------------------|------------------------|-------------|
| Màn hình giải trí trung tâm             | AVN 10.25"             | AVN 7       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●                      | ●           |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●                      | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2 vùng                 | 2           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                      | ●           |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                      | ●           |
| Khởi động nút bấm                       | ●                      | ●           |
| Khởi động từ xa                         | ●                      | -           |
| Hệ thống âm thanh                       | 12 loa Bose            |             |
| Lấy chuyển số                           | ●                      | ●           |
| Sạc không dây Qi                        | ●                      | ●           |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                      | -           |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●                      | -           |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●                      | ●           |
| Rèm che nắng                            | ●                      | ●           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | -                      | ●           |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                        |             |
| Số túi khí                              | 6                      | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                      | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                      | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                      | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                      | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                      |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm            | ●                      |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau            | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ● (+ hiển thị điểm mù) | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                      | ●           |
| Camera lùi                              | Camera 360             | ●           |